

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1820/QĐ-UBND
ngày 19/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc Hội, về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc Hội, về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 02/6/2023 của HĐND tỉnh Sơn La quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của UBND tỉnh Sơn La, về việc phê duyệt Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn với tiêu thụ sản phẩm cây dược liệu: Đảng sâm (quy mô liên huyện) giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 2616/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định) tại Tờ trình số 146/TTr-SNN ngày 09/04/2024; Báo cáo số 288/BC-SNN ngày 27/4/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về lý do điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của UBND tỉnh Sơn La, về việc phê duyệt Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn với tiêu thụ sản phẩm cây dược liệu: Đảng sâm (quy mô liên huyện) giai đoạn 2021-2025, như sau:

1. Điều chỉnh Mục 5, Điều 1, Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 như sau:

a) Nội dung đã ghi:

“5. Thời gian triển khai: Từ năm 2023 - 2025”.

b) Nay điều chỉnh lại là:

“5. Thời gian triển khai: Từ năm 2024 - 2025”.

2. Điều chỉnh Mục 7, Điều 1, Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 như sau:

a) Nội dung đã ghi:

“7. Tổng kinh phí, cơ cấu từng nguồn vốn:

Tổng kinh phí thực hiện dự án: 10.068.650.000 đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ: 4.991.000.000 đồng (*chiếm tỷ lệ 49,57% tổng vốn thực hiện*). Cụ thể:

- Vốn tham gia của Chủ trì liên kết: 511.674.000 đồng (*chiếm tỷ lệ 5,08% tổng vốn thực hiện*).

- Vốn tham gia của bên liên kết (các hộ nông dân tham gia dự án): 4.565.976.000 đồng (*chiếm tỷ lệ 45,35% tổng vốn thực hiện, chưa bao gồm công lao động phổ thông*).”

b) Nay điều chỉnh lại là:

“7. Tổng kinh phí, cơ cấu từng nguồn vốn:

Tổng kinh phí thực hiện dự án: 9.335.015.000 đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ: 4.638.000.000 đồng (*chiếm tỷ lệ 49,68% tổng vốn thực hiện*).

- Vốn tham gia của Chủ trì liên kết: 411.514.000 đồng (*chiếm tỷ lệ 4,41% tổng vốn thực hiện*).

- Vốn tham gia của bên liên kết (các hộ nông dân tham gia dự án): 4.285.551.000 đồng (*chiếm tỷ lệ 45,91% tổng vốn thực hiện, chưa bao gồm công lao động phổ thông*).”

3. Điều chỉnh Mục 9, Điều 1, Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 như sau:

a) Nội dung đã ghi:

“9.1. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

- Nhà nước hỗ trợ giống, vật tư sản xuất vụ 1 cho các hộ tham gia dự án (*trồng mới 25 ha năm 2023, chăm sóc nửa đầu năm 2024*):

+ Hỗ trợ 60,5% kinh phí mua cây giống;

+ Hỗ trợ 50% kinh phí mua phân hữu cơ, chế phẩm sinh học.

- Nhà nước hỗ trợ giống, vật tư sản xuất vụ 2 (*trồng mới 25 ha nửa cuối năm 2024, chăm sóc năm 2025*) cho các hộ tham gia dự án, gồm:

+ Hỗ trợ 50% kinh phí mua cây giống;

+ Hỗ trợ 40% kinh phí mua phân hữu cơ, chế phẩm sinh học.

- Hỗ trợ 50% kinh phí mua bao bì và in tem nhãn truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho 2 Hợp tác xã đại diện cho các hộ dân tham gia dự án.

- Hỗ trợ 100% chi phí thẩm định giá, thuê tư vấn đấu thầu.

Các nội dung hỗ trợ cụ thể như sau:

TT	Nội dung hỗ trợ	Tổng vốn thực hiện (nghìn đồng)	Trong đó vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nghìn đồng)
1	Giống, vật tư phục vụ sản xuất	9.299.500	4.830.524
1.1	Giống, vật tư sản xuất vụ 1	4.649.750	2.655.624
	<i>Cây giống</i>	<i>3.150.000</i>	<i>1.905.750</i>
	<i>Phân hữu cơ vi sinh</i>	<i>1.250.000</i>	<i>625.000</i>
	<i>Chế phẩm sinh học</i>	<i>249.750</i>	<i>124.874</i>
1.2	Giống, vật tư sản xuất vụ 2	4.649.750	2.174.900
	<i>Cây giống</i>	<i>3.150.000</i>	<i>1.575.000</i>
	<i>Phân hữu cơ vi sinh</i>	<i>1.250.000</i>	<i>500.000</i>
	<i>Chế phẩm sinh học</i>	<i>249.750</i>	<i>99.900</i>
2	Xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hoá	194.000	97.000
-	Bao bì đựng sản phẩm	144.000	72.000
-	In Tem nhãn sản phẩm	50.000	25.000
3	Thẩm định giá, thuê đấu thầu	63.476	63.476
Tổng cộng		9.556.976	4.991.000

9.2. Tiến độ cấp phát, sử dụng kinh phí nhà nước hỗ trợ:

Số TT	Năm	Tổng vốn thực hiện (nghìn đồng)	Trong đó vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nghìn đồng)
1	Năm 2023	4.229.992	2.371.000
2	Năm 2024	5.078.043	2.362.000
3	Năm 2025	760.615	258.000
Tổng cộng		10.068.650	4.991.000

9.3. Thanh toán ngân sách nhà nước hỗ trợ:

- Hàng năm chủ đầu tư tạm ứng 30% kinh phí nhà nước hỗ trợ cho đơn vị Chủ trì liên kết sau khi ký hợp đồng, phụ lục hợp đồng.

- Thanh toán, quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ căn cứ vào kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ hàng năm.

- Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 và các năm tiếp theo của giai đoạn 2021-2025 (hoặc nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương); dân góp; doanh nghiệp đối ứng; các nguồn vốn hợp pháp khác.

9.4. Dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được nhà nước hỗ trợ:

(Có phụ lục dự toán chi tiết kèm theo)

b) Nay điều chỉnh lại là:

“9.1. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

- Nhà nước hỗ trợ giống, vật tư sản xuất vụ 1 cho các hộ tham gia dự án (*trồng mới 25 ha năm 2024, chăm sóc nửa đầu năm 2025*):

+ Hỗ trợ 60,5% kinh phí mua cây giống;

+ Hỗ trợ 50% kinh phí mua phân hữu cơ, chế phẩm sinh học.

- Nhà nước hỗ trợ giống, vật tư sản xuất vụ 2 (*trồng mới 25 ha nửa cuối năm 2025*) cho các hộ tham gia dự án, gồm:

+ Hỗ trợ 47% kinh phí mua cây giống;

+ Hỗ trợ 40% kinh phí mua phân hữu cơ, chế phẩm sinh học.

- Hỗ trợ 50% kinh phí mua bao bì và in tem nhãn truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho 2 Hợp tác xã đại diện cho các hộ dân tham gia dự án.

- Hỗ trợ 100% chi phí thẩm định giá, thuê tư vấn đấu thầu.

Các nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cụ thể như sau:

TT	Nội dung hỗ trợ	Tổng vốn thực hiện (nghìn đồng)	Trong đó vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nghìn đồng)
1	Giống, vật tư phục vụ sản xuất	8.674.625	4.486.074
1.1	Giống, vật tư sản xuất vụ 1	4.649.750	2.655.624
	<i>Cây giống</i>	<i>3.150.000</i>	<i>1.905.750</i>
	<i>Phân hữu cơ vi sinh</i>	<i>1.250.000</i>	<i>625.000</i>
	<i>Chế phẩm sinh học</i>	<i>249.750</i>	<i>124.874</i>

TT	Nội dung hỗ trợ	Tổng vốn thực hiện (nghìn đồng)	Trong đó vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nghìn đồng)
1.2	Giống, vật tư sản xuất vụ 2	4.024.875	1.830.450
	<i>Cây giống</i>	<i>3.150.000</i>	<i>1.480.500</i>
	<i>Phân hữu cơ vi sinh</i>	<i>750.000</i>	<i>300.000</i>
	<i>Chế phẩm sinh học</i>	<i>124.875</i>	<i>49.950</i>
2	Xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hoá	194.000	97.000
-	Bao bì đựng sản phẩm	144.000	72.000
-	In Tem nhãn sản phẩm	50.000	25.000
3	Thẩm định giá, thuê đấu thầu	54.926	54.926
Tổng cộng		8.923.551	4.638.000

9.2. Tiến độ cấp phát, sử dụng kinh phí nhà nước hỗ trợ:

Số TT	Năm	Tổng vốn thực hiện (nghìn đồng)	Trong đó vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nghìn đồng)
1	Năm 2024	4.229.992	2.371.000
2	Năm 2025	5.105.073	2.267.000
Tổng cộng		9.335.065	4.638.000

9.3. Thanh toán ngân sách nhà nước hỗ trợ:

- Thanh toán, quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ căn cứ vào kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ hàng năm.

- Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 chuyển nguồn sang năm 2024 và các năm tiếp theo của giai đoạn 2021-2025 (hoặc nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương); dân góp; doanh nghiệp đối ứng; các nguồn vốn hợp pháp khác.

9.4. Dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được nhà nước hỗ trợ:

(Có phụ lục dự toán chi tiết kèm theo)

4. Điều chỉnh Mục 10, Điều 1, Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 như sau:

a) Nội dung đã ghi:

“10.1. Dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách

- Năm 2023: Tổ chức trồng 25 ha Đàng sâm (vụ 1), đạt 100% diện tích, tỷ lệ sống đạt tối thiểu 85%.

- Năm 2024:

+ Thu hoạch và tiêu thụ 100% sản lượng sản phẩm vụ 1, gồm: Dự kiến năng suất là 250 tấn lá, ngọn cây Đàng sâm, và 150 tấn củ Đàng sâm.

- + Cấp 2 giấy Chứng nhận VietGAP cho diện tích trồng Đẳng sâm của dự án.
- + Tiếp tục tổ chức trồng vụ 2 đối với 25 ha Đẳng sâm sau khi thu hoạch vụ 1, đạt 100% diện tích, tỷ lệ sống đạt tối thiểu 85%.

- Năm 2025: Thu hoạch và tiêu thụ 100% sản lượng sản phẩm vụ 2, gồm: Dự kiến năng suất là 250 tấn lá, ngọn cây Đẳng sâm, và 150 tấn củ Đẳng sâm.”

b) Nay điều chỉnh lại là:

“10.1. Dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách

- Năm 2024: Tổ chức trồng 25 ha Đẳng sâm (vụ 1), đạt 100% diện tích, tỷ lệ sống đạt tối thiểu 85%.

- Năm 2025:

+ Thu hoạch và tiêu thụ 100% sản lượng sản phẩm vụ 1, gồm: Dự kiến năng suất là 250 tấn lá, ngọn cây Đẳng sâm, và 150 tấn củ Đẳng sâm.

+ Cấp 2 giấy Chứng nhận VietGAP cho diện tích trồng Đẳng sâm của dự án.

+ Tiếp tục tổ chức trồng vụ 2 đối với 25 ha Đẳng sâm sau khi thu hoạch vụ 1, đạt 100% diện tích, tỷ lệ sống đạt tối thiểu 85%.”

5. Điều chỉnh Mục 12, Điều 1, Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 như sau:

a) Nội dung đã ghi:

“12.1. Hỗ trợ trực tiếp cho các hộ gia đình tham gia dự án

Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện 2 chu kỳ sản xuất (2 vụ sản xuất) nhằm giúp các hộ tham gia ổn định sản xuất và tạo tính bền vững của liên kết. Nội dung hỗ trợ cụ thể như sau:

Số TT	Nội dung hỗ trợ	Tổng vốn thực hiện (nghìn đồng)	Trong đó vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nghìn đồng)
1	Giống, vật tư sản xuất vụ 1	4.649.750	2.655.624
	<i>Cây giống</i>	<i>3.150.000</i>	<i>1.905.750</i>
	<i>Phân hữu cơ vi sinh</i>	<i>1.250.000</i>	<i>625.000</i>
	<i>Chế phẩm sinh học</i>	<i>249.750</i>	<i>124.874</i>
2	Giống, vật tư sản xuất vụ 2	4.649.750	2.174.900
	<i>Cây giống</i>	<i>3.150.000</i>	<i>1.575.000</i>
	<i>Phân hữu cơ vi sinh</i>	<i>1.250.000</i>	<i>500.000</i>
	<i>Chế phẩm sinh học</i>	<i>249.750</i>	<i>99.900</i>
	Tổng cộng	9.299.500	4.830.524

b) Nay điều chỉnh lại là:

“12.1. Hỗ trợ trực tiếp cho các hộ gia đình tham gia dự án

Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện 2 chu kỳ sản xuất (2 vụ sản xuất) nhằm giúp các hộ tham gia ổn định sản xuất và tạo tính bền vững của liên kết. Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cụ thể như sau:

Số TT	Nội dung hỗ trợ	Tổng vốn thực hiện (nghìn đồng)	Trong đó vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nghìn đồng)
1	Giống, vật tư sản xuất vụ 1	4.649.750	2.655.624
	<i>Cây giống</i>	<i>3.150.000</i>	<i>1.905.750</i>
	<i>Phân hữu cơ vi sinh</i>	<i>1.250.000</i>	<i>625.000</i>
	<i>Chế phẩm sinh học</i>	<i>249.750</i>	<i>124.874</i>
2	Giống, vật tư sản xuất vụ 2	4.024.875	1.830.450
	<i>Cây giống</i>	<i>3.150.000</i>	<i>1.480.500</i>
	<i>Phân hữu cơ vi sinh</i>	<i>750.000</i>	<i>300.000</i>
	<i>Chế phẩm sinh học</i>	<i>124.875</i>	<i>49.950</i>
Tổng cộng		8.674.625	4.486.074

6. Điều chỉnh Mục 13, Điều 1, Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 như sau:

a) Nội dung đã ghi:

“13. Tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ: Không có.”

b) Nay điều chỉnh lại là:

“13. Tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ: Không có, do tài sản hỗ trợ cho cộng đồng người dân tham gia thực hiện dự án theo quy định tại Ý a2, Điểm a, Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc Hội.”

(Có Thuyết minh dự án kèm theo).

Điều 2. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 và Quyết định số 2616/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện Mộc Châu, Quỳnh Nhai; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Phủ 10b.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Công



PHỤ LỤC DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Thực hiện nội dung, hoạt động được nhà nước hỗ trợ dự án “Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm cây dược liệu: Đảng sâm (quy mô liên huyện)”

Kèm theo Quyết định số 796 /QĐ-UBND ngày 02 /5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước hỗ trợ từng năm		Căn cứ	
							Năm 2024	Năm 2025		
A	HỖ TRỢ GIỐNG, VẬT TƯ				8.674.625	4.486.074	2.343.187	2.142.887		
I	Nguyên vật liệu thực hiện trồng, chăm sóc năm 2024	Ha	25		4.024.875	2.343.187	2.343.187	-		
	Cây giống (84.000 cây/ha)	Cây	2.100.000	1,5	3.150.000	1.905.750	1.905.750		- Định mức số lượng theo QĐ 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/2/2022. - Nội dung hỗ trợ theo Nghị định 38/2023 /NĐ-CP ngày 24/6/2023	
	Phân hữu cơ vi sinh (3.000 kg/ha)	Kg	75.000	10	750.000	375.000	375.000			
	Chế phẩm sinh học (5 triệu/ha = 15 lít/ha)	Lít	375	333	124.875	62.437	62.437			
II	Nguyên vật liệu thực hiện năm 2025				4.649.750	2.142.887	-	2.142.887		
1	Nguyên vật liệu chăm sóc diện tích đã trồng 2024	Ha	25		624.875	312.437	-	312.437		
	Phân hữu cơ vi sinh (2.000 kg/ha)	Kg	50.000	10	500.000	250.000		250.000		
	Chế phẩm sinh học (5 triệu/ha = 15 lít/ha)	Lít	375	333	124.875	62.437		62.437		
2	Nguyên vật liệu trồng vụ 2 năm 2025	Ha	25		4.024.875	1.830.450	0	1.830.450		
	Cây giống (84.000 cây/ha)	Cây	2.100.000	1,5	3.150.000	1.480.500		1.480.500		

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước hỗ trợ từng năm		Căn cứ
							Năm 2024	Năm 2025	
	Phân hữu cơ vi sinh (3.000 kg/ha)	Kg	75.000	10	750.000	300.000		300.000	
	Chế phẩm sinh học (5 triệu/ha = 15 lít/ha)	Lít	375	333	124.875	49.950		49.950	
B	XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI CHO SẢN PHẨM				194.000	97.000	-	97.000	- Theo Nghị định 38/2023 /NĐ-CP Chính phủ. Thông tư 55/2023 /TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài Chính.
1	Bao bì đựng sản phẩm (400 kg túi lưới/1 HTX x 2 HTX)	Kg	800	180	144.000	72.000		72.000	- Tổng mức chi không quá 100 triệu/HTX theo NQ 128/2020 /NQ-HĐND tỉnh
2	In Tem nhãn sản phẩm (50.000 cái/1 HTX x 2 HTX)	Cái	100.000	0,5	50.000	25.000		25.000	
C	THẨM ĐỊNH GIÁ, THUÊ TƯ VẤN ĐẦU THẦU				54.926	54.926	27.813	27.113	
TỔNG					8.923.551	4.638.000	2.371.000	2.267.000	

Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ là: Bốn tỷ, sáu trăm ba mươi tám triệu đồng chẵn./.